TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 3/6/2020
***V/v:* " Xin ly hôn"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Nguyễn Thanh Bình
2/Ông Đồng Phước Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 3 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2020/TLST-HN ngày 6 tháng 12 năm 2019 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956 (có mặt)
ĐKHKTT: Tổ 10, ấp A K, xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1955 (có mặt)
ĐKHKTT: Tổ 10, ấp A K, xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Vào năm 1981, bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung được 37 năm, sinh được 4 con chung gồm: Dương Văn H, sinh năm 1982, Dương Thị S, sinh năm 1984, Dương Thị X, sinh năm 1986, Dương Tuấn C, sinh năm 1996. các con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, nên thường hay cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, ông T thường xuyên

vắng nhà, mỗi khi đi nhậu về là chửi bà Y, thậm chí còn đánh bà Y mà không rõ lý do, gần đây bà Yến phát hiện ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Bà Y khuyên bảo ông T nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Bà Y và ông T ly thân từ khoảng 10 tháng nay, hiện tại vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với ông Dương Văn T.
- Về con chung: Tất cả đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn ông T trình bày: ông T không đồng ý với lời trình bày của bà Y vì ông T không có đánh bà Y nên không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về tài sản: Trước đây khi ông T cưới bà Y thì cha mẹ có cho ông T một phần đất cồn là khoảng ba nghìn mấy mét vuông, nhưng sau này bị lở nên ông T mới bán và mua lại một phần đất ruộng diện tích là 6.250m^2 là đất lúa, tọa lạc tại ấp A K, xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long do ông T đứng tên quyền sử dụng đất hiện tại cho người khác thuê, ông T yêu cầu được hưởng trọn phần đất này vì đất này là của cha mẹ ông cho riêng ông, còn một phần đất sáu nghìn mấy mét vuông do ông T và bà Y mua nhưng hiện tại nhà nước làm đường và khu tái định cư nên đã thu hồi một phần, hiện tại diện tích còn lại khoảng 2.700m^2 tọa lạc tại ấp A K, xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long do bà Y đứng tên quyền sử dụng đất, trước đây ông T có đứng tên quyền sử dụng đất 510m^2 trong phần đất 2.700m^2, từ khi làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thì bà Y đứng tên quyền sử dụng đất hết 2.700m^2 nếu bà Y chịu chia cho ông T diện tích 500m^2 trong phần đất 2.700m^2 thì ông T đồng ý ly hôn với bà Y, ngoài ra nhà nước còn cấp cho ông T 01 cái nền nhà khu tái định cư hiện tại con là Dương Thị X đang ở và sử dụng ông T không có yêu cầu gì về phần này.

Nay ông T yêu cầu:

-Về quan hệ hôn nhân: không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Bà Yến trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, nên thường hay cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, ông T thường xuyên vắng nhà, mỗi khi đi nhậu về là chửi bà Yến, thậm chí còn đánh bà Y mà không rõ lý do, gần đây bà Y phát hiện ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Bà y và ông T ly thân từ khoảng 10 tháng nay, hiện nay vợ chồng mỗi người có cuộc sống của riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với ông Dương Văn T.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T không đồng ý với lời trình bày của bà Y vì ông không có đánh bà Y. Ông T thừa nhận ông có quan hệ bất chính với người phụ nữa khác bên ngoài, ông cho rằng đây là quyền riêng tư của ông, bà Y không được ngăn cản, nên ông T không đồng ý ly hôn với bà Y. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hện hôn nhân: yêu cầu đoàn tụ.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1981, bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T kết hôn với nhau, không đăng ký kết. bà Y cho rằng từ khi về sống chung cùng chồng lúc đầu rất hạnh phúc được 37 năm. Nhưng gần đây ông T mỗi khi uống rượu về hay chữi nắng, đạp phá đồ trong nhà, có khi còn muốn đánh bà Y, gần đây ông T có quan hệ bất chính với người khác bên ngoài do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, hay cải vả với nhau đến mức trầm trọng, vợ chồng ly thân nhau khoảng 10 tháng cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông Dương Văn T. Xét thấy bà Y và ông T kết hôn với nhau từ năm 1981, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Ông T thừa nhận có quan hệ bất chính với người khác bên ngoài, đây là quyền riêng tư của ông nên ông yêu cầu đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Ông T đã vi phạm luật chế độ hôn nhân và gia đình theo điểm c Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Y. Áp dụng Điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Y.

[4] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T sống chung được 37 năm, sinh được 4 con chung gồm: Dương Văn H, sinh năm 1982, Dương Thị S, sinh năm 1984, Dương Thị X, sinh năm 1986, Dương Tuấn C, sinh năm 1996. các con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét về quan hệ tài sản: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T thống nhất không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 21 luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị Y. Lý do bà Y là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21 luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Dương Văn T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Dương Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị Y.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Án xử công khai có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, bị đơn ông Dương Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSNDH Bình Tân;
-THADSH Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU